

Số: *26*/CBTT-DTV

Trà Vinh, ngày 26 tháng 3 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN
NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GDCK HÀ NỘI**

Kính gửi: - Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Phát triển Điện nông thôn Trà Vinh.

Mã chứng khoán: DTV

Địa chỉ trụ sở chính: Khóm 1, Phường 9, Thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Điện thoại: (84 – 0294) 6520688

Fax: (84 - 0294) 3850017

Người thực hiện công bố thông tin: Lê Thị Khê

Địa chỉ: Khóm 2, Thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Điện thoại (di động): 0907917999

Fax: (84 - 0294) 3850017

Loại thông tin công bố: định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

2. Nội dung thông tin công bố: Báo cáo thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần phát triển Điện nông thôn Trà Vinh.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của DTV vào ngày 26/3/2020 tại đường dẫn: <http://www.diennongthontv.com/bao-cao-dinh-ky/bao-cao-thuong-nien.html> hoặc <http://www.diennongthontv.com/quan-he-co-dong.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TK, VT.



Lê Thị Khê
Lê Thị Khê



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019



CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÁT TRIỂN ĐIỆN NÔNG THÔN TRÀ VINH



Số 68, Nguyễn Chí Thanh, Khóm 1, Phường 9, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh.



(0294) 6520 688



www.diennongthontv.com

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐIỆN NÔNG THÔN TRÀ VINH

MỤC LỤC



CHƯƠNG 1

THÔNG TIN CHUNG



CHƯƠNG 2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
TRONG NĂM 2019



CHƯƠNG 3

BÁO CÁO CỦA
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



CHƯƠNG 4

ĐÁNH GIÁ CỦA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHƯƠNG 5

QUẢN TRỊ CÔNG TY



CHƯƠNG 6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
KIỂM TOÁN NĂM 2019



THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát về công ty

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Sơ đồ tổ chức

Định hướng phát triển

Các rủi ro



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐIỆN NÔNG THÔN TRÀ VINH

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	số 2100110200 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp thay đổi lần 4 ngày 01/08/2017, cấp lần đầu vào ngày 13/07/2006.
Vốn điều lệ	52.800.000.000 đồng
Địa chỉ	Số 68, Nguyễn Chí Thanh, Khóm 1, Phường 9, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh.
Số điện thoại	(0294) 6520 688
Số fax	(0294) 3850 017
Website	www.diennongthontv.com
Mã chứng khoán	DTV



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

TIỀN THÂN

Công ty Cổ phần Phát triển Điện Nông thôn Trà Vinh là Ban Quản lý Điện Nông thôn Trà Vinh trực thuộc UBND tỉnh Trà Vinh.



Công ty Phát triển Điện Nông thôn Trà Vinh chính thức đi vào hoạt động với nguồn vốn gần 500 triệu đồng.

10/1996

07/2006

Công ty Phát triển Điện Nông thôn Trà Vinh chính thức đi vào hoạt động dưới mô hình Công ty cổ phần với mức vốn điều lệ 52.800.000.000 đồng.

Công ty Phát triển Điện Nông thôn Trà Vinh chính thức được giao dịch trên sàn Upcom với mã cổ phiếu là DTV

09/2010



08/2017

Thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 4.



CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

Năm	Hình thức khen thưởng	Quyết định
2009	Cờ thi đua cấp Tỉnh	Quyết định số 382/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh.
2010	Cờ thi đua cấp Tỉnh	Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh.
2011	Bảng khen của Thủ tướng Chính phủ giai đoạn 2009 – 2011 (đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2009 – 2011 góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và Bảo vệ tổ quốc).	Số 1308/QĐ-TTg ngày 17 tháng 9 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ.
2012	Bảng khen của UBND tỉnh giai đoạn 2011-2012	Quyết định số 726/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chủ tịch UBND tỉnh.
2012	Bảng khen của UBND tỉnh năm 2012 (thay Cờ) (đã có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ chính trị năm 2012)	Quyết định số 822/QĐ-UBND ngày 02 tháng 5 năm 2013 của Chủ tịch UBND tỉnh.
2013	Bảng khen của UBND tỉnh 2013 (thay Cờ) (đã có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ chính trị năm 2013)	Quyết định số 604/QĐ-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Chủ tịch UBND tỉnh.



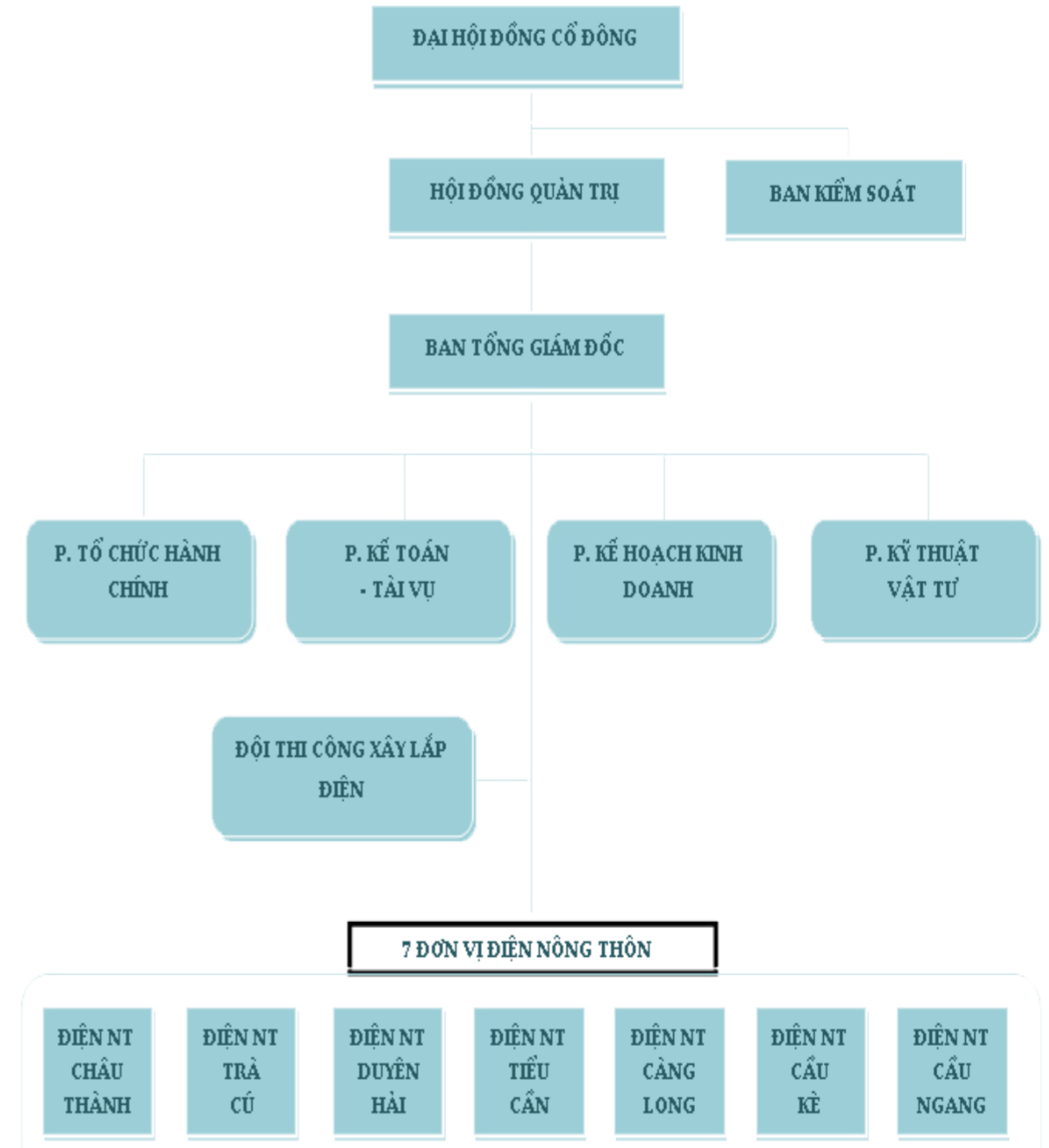
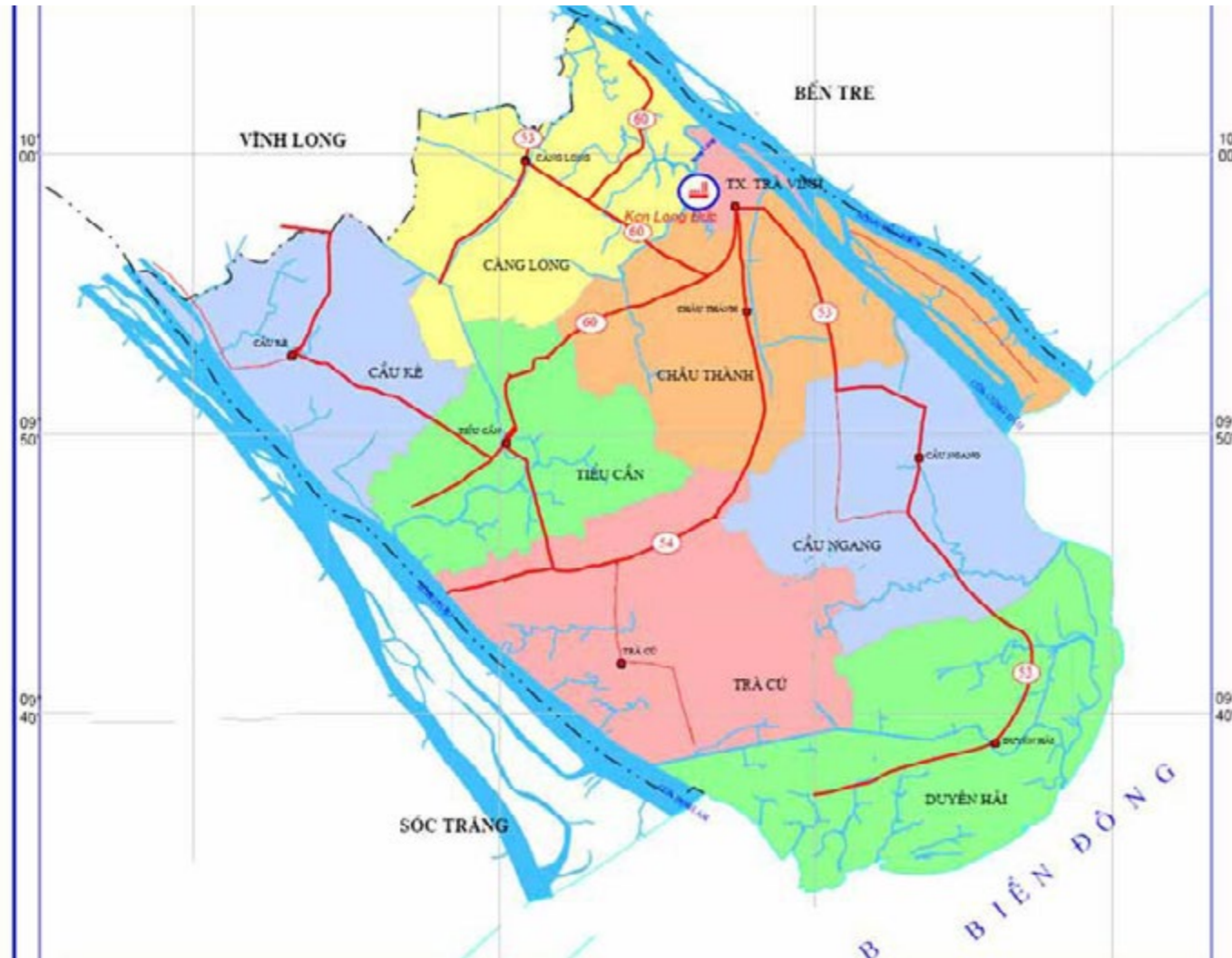
Năm	Hình thức khen thưởng	Quyết định
2013	Huân chương LĐ hạng ba giai đoạn 2009-2013 (đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2009 – 2013 góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và Bảo vệ tổ quốc).	Quyết định số 2665/QĐ-CTN, ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chủ tịch nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.
2013	Bảng khen của Bộ Y tế “đã có thành tích trong công tác phòng chống bệnh nghề nghiệp và chăm sóc sức khỏe người lao động năm 2013”.	Quyết định số: 885/QĐ-BYT ngày 13/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế
2014	Cờ thi đua Tỉnh	QĐ số 695/QĐ-UBND, ngày 08/5/2015
2015	Bảng khen UBND tỉnh “Đã có thành tích đóng góp cho phong trào thi đua yêu nước tỉnh Trà Vinh 05 năm (2010-2015)”	QĐ số 1430/QĐ-UBND, ngày 01/9/2015
2016	Cờ thi đua Tỉnh	QĐ số 929/QĐ-UBND, ngày 06/5/2016
2018	Bảng khen UBND tỉnh “Đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2018”.	<ul style="list-style-type: none"> QĐ số 1652/QĐ-UBND, ngày 27/8/2019 QĐ số 368/QĐ-UBND, ngày 06/3/2019
2019	Bảng khen của Bộ Công Thương “Có thành tích xuất sắc trong thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới của Bộ Công Thương, giai đoạn 2010 – 2020”	QĐ số 2854/QĐ-BCT, ngày 19/9/2019 do Thứ Trưởng Bộ Công Thương: Cao Quốc Hưng ký.

Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh mua bán điện, vật tư chuyên ngành điện.
- Đầu tư xây dựng phát triển các công trình điện.
- Thi công lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến cấp điện áp 35KV
- Tư vấn, thiết kế, giám sát các công trình điện đến cấp điện áp 35KV.

Địa bàn hoạt động

Công ty hoạt động và kinh doanh trên 7 huyện, thị xã và một phần thành phố Trà Vinh



Công ty con, Công ty liên kết: Công ty hiện không có công ty con, công ty liên kết.

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Mở rộng mạng lưới khách hàng và gia tăng sản lượng điện cung cấp. Hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh được đề ra tại Đại hội đồng cổ đông và đảm bảo lợi nhuận mục tiêu cho năm 2019.
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác đầu tư mới các công trình đường dây hạ thế, cải tạo và sửa chữa các đường dây đã xuống cấp.
- Xây dựng đội ngũ cán bộ nhân viên giỏi về chuyên môn, năng động, sáng tạo, nhạy bén, thích ứng và có năng lực quản lý để đưa Công ty phát triển ngày một vững mạnh hơn.
- Xây dựng chiến lược kinh doanh hiệu quả, duy trì tốc độ tăng trưởng cao và ổn định để đạt mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận

Chiến lược trung và dài hạn

- Sắp xếp và tinh giản bộ máy tổ chức, điều chỉnh nhân sự một số phòng ban nhằm đạt được hiệu quả cao trong công tác quản lý và sử dụng hiệu quả chi phí Công ty.
- Áp dụng công nghệ thông tin vào hệ thống điều hành và quản lý Công ty. Tập trung phát triển các hoạt động chăm sóc khách hàng, nhằm theo sát nhu cầu thực tế và cải thiện chất lượng dịch vụ.
- Tìm kiếm, tuyển dụng kỹ sư chuyên ngành để từng bước nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng phát triển của Công ty.



Nghiêm túc thực hiện các quy định của pháp luật đối với các hoạt động xây dựng, quản lý, vận hành các công trình điện, đảm bảo an toàn điện cho các hộ dân trên địa bàn.

Các mục tiêu phát triển bền vững

Đảm bảo đời sống và việc làm của người lao động, góp phần hỗ trợ sự phát triển của dân cư trong vùng phục vụ của Công ty.

Tích cực tham gia các hoạt động xã hội, hoạt động thiện nguyện, góp phần vào công cuộc xây dựng Nông thôn mới ở Trà Vinh.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC RỦI RO

Các doanh nghiệp hoạt động trên thị trường đều phải đối mặt với những rủi ro đến từ nền kinh tế như tăng trưởng kinh tế, lãi suất, tỷ giá... Bên cạnh đó, doanh nghiệp cũng phải đối mặt với những rủi ro đặc thù của ngành đang hoạt động. Sự biến động của những nhân tố này theo hướng tích cực hay tiêu cực đều dẫn đến những rủi ro tiềm tàng nhất định, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Vì vậy, DTV luôn nắm bắt những biến động này nhằm đề ra biện pháp ứng phó phù hợp với tình hình hiện tại.

Rủi ro kinh tế

Nhìn chung, tình hình kinh tế của nước ta trong năm 2019 tiếp tục khởi sắc với tốc độ tăng trưởng GDP đạt 7,02%, là năm thứ hai liên tiếp tăng trên 7% kể từ năm 2008 trở lại đây. Kinh tế vĩ mô tương đối ổn định, lạm phát được kiểm soát ở mức dưới 4%, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, v.v.... Mặc dù vậy, kinh tế nước ta đang phải đối mặt với bối cảnh kinh tế thế giới có nhiều biến động như chiến tranh thương mại Mỹ - Trung đã ảnh hưởng chung đến thương mại toàn cầu. Ngoài ra, diễn biến phức tạp của dịch bệnh đã tác động đến giá cả hàng hóa, làm ảnh hưởng tương đối lên các chính sách hoạt động của các doanh nghiệp trong và ngoài nước nói chung, cũng như hoạt động của DTV nói riêng.



Trong giai đoạn từ năm 2010 trở lại đây, theo Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) nhu cầu năng lượng của Việt Nam tăng nhanh với mức tăng trưởng bình quân ước đạt trên 10 %/năm và được dự báo tiếp tục tăng mạnh trong thời gian tới. Đứng trước những thuận lợi và thách thức trong năm 2020, DTV tiếp tục xây dựng kế hoạch hoạt động phù hợp, kết hợp với việc theo dõi, cập nhật diễn biến của thị trường nhằm phân tích, đánh giá và đưa ra các giải pháp kịp thời cho những vấn đề xảy ra, biến thách thức của thị trường trở thành cơ hội hoạt động của Công ty.

Rủi ro pháp luật

Hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Phát triển Điện Nông thôn Trà Vinh chịu sự chi phối của hệ thống pháp luật Việt Nam như Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế, Luật Đầu tư và các văn bản pháp lý liên quan. Ngoài ra, cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên sàn Upcom nên còn chịu sự tác động của Luật Chứng khoán, các nghị định, thông tư có liên quan, v.v.... Trong thời gian sắp tới, để thích nghi và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh do sự thay đổi các Luật và văn bản dưới Luật trong tương lai, Công ty luôn chủ động phân bổ nhân sự để theo sát, cập nhật kịp thời và tuân thủ nghiêm chỉnh theo những quy định mới để tránh các rủi ro về mặt pháp lý, đảm bảo cho hoạt động của Công ty được ổn định, liên tục.



CÁC RỦI RO

Rủi ro đặc thù ngành

Rủi ro nguyên liệu đầu vào

Theo Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), năm 2019, sản lượng điện chủ yếu của Việt Nam là đến từ ba nguồn chính, cụ thể cơ cấu điện từ nhiệt điện (than và dầu) chiếm khoảng 39%, thủy điện chiếm hơn 41 %, khí thiên nhiên chiếm 18,88%, còn lại là nhập khẩu. Bởi tình trạng biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi trường đang ngày càng diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động của các nhà máy nhiệt điện cũng như các đập thủy điện từ đó ảnh hưởng đến nguồn cung điện đến các trạm biến áp, trong khi đó nhu cầu về điện vẫn không ngừng gia tăng làm cho ngành điện nói chung và DTV nói riêng đối mặt với thực trạng cung không đủ cầu. Bên cạnh đó, điện là mặt hàng kinh doanh chịu sự quản lý của nhà nước. Cụ thể giá điện đầu vào thành phẩm phụ thuộc hoàn toàn vào EVN, trong khi đó giá bán được quy định chặt chẽ bởi Chính Phủ. Điều này cũng làm ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty, tuy nhiên đây là đặc thù chung của toàn ngành, DTV chỉ có thể hạn chế thấp nhất tác động thông qua các chính sách vận hành, đồng thời kết hợp với chính quyền địa phương tuyên truyền người dân chung tay sử dụng điện hiệu quả.

Rủi ro cháy nổ/an toàn lao động:

Với đặc thù là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ cung cấp điện, Công ty phải đối mặt với những rủi ro đặc thù ngành như chập, cháy, nổ từ những sự cố bất ngờ ở các trạm biến áp. Từ đó, gây hậu quả nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty trong vùng. Để phòng ngừa và hạn chế những rủi ro trên, Công ty đã chủ động áp dụng các biện pháp quản lý kỹ thuật như lập kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị định kỳ thường xuyên, chuẩn bị hệ thống dự phòng nhằm đảm bảo công việc diễn ra liên tục, không bị gián đoạn để nâng cao hiệu quả trong công việc cũng như vận hành của doanh nghiệp, giảm thiểu sai sót và thiệt hại trong công tác vận hành.



Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro nêu trên trong quá trình hoạt động thì Công ty còn chịu tác động mang tính khách quan như thiên tai, những biến đổi khắc nghiệt của khí hậu, dịch bệnh, v.v... có thể gây thiệt hại về con người và tài sản. Do vậy, Công ty đã chủ động xây dựng biện pháp phòng ngừa nếu có thiệt hại xảy ra từ những nguyên nhân trên.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông

thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Báo cáo phát triển bền vững



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm 2019, các yếu tố như tốc độ tăng trưởng kinh tế tiếp tục đà tăng trên 7%, lạm phát được kiểm soát, các dự án phát triển hạ tầng quan trọng ở đồng bằng sông Cửu Long được đưa vào hoạt động, đã góp phần tạo nên nhiều cơ hội và thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Cụ thể, doanh thu thuần trong năm 2019 của DTV đạt gần 493 tỷ đồng, tăng trưởng hơn 12% so với năm 2018 và vượt kế hoạch đề ra. Lợi nhuận trước thuế cũng đạt trên 26 tỷ đồng, tăng hơn 18% so với cùng kỳ năm ngoái.

Cơ cấu doanh thu thuần

Đơn vị: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2018		Năm 2019		% Năm 2019/2018
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
Doanh thu bán điện thành phẩm	426.485	97,28%	480.991	97,60%	112,78%
Doanh thu bán thiết bị điện	11.921	2,72%	11.811	2,40%	99,08%
Doanh thu thuần	438.406	100,00%	492.802	100,00%	112,41%

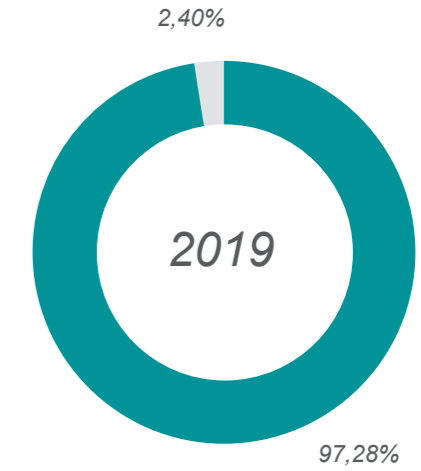
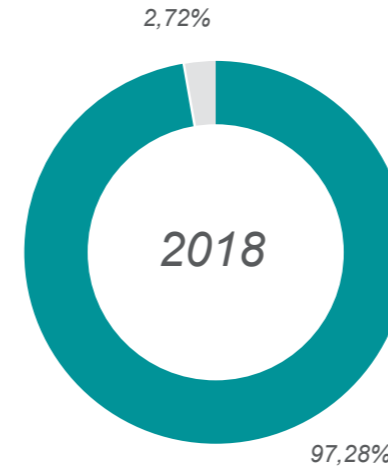
Doanh thu thuần năm 2019 đạt 492,8 tỷ đồng đến từ hai mảng hoạt động kinh doanh truyền thống của Công ty. Trong đó, riêng doanh thu đến từ bán điện thành phẩm đã chiếm đến hơn 97% trong cơ cấu doanh thu đạt gần 481 tỷ đồng, và tiếp tục tăng trưởng khá cao (gần 13%) so với năm 2018. Kết quả này xuất phát từ nguyên nhân là do Bộ Công Thương ban hành Quyết định 648/QĐ-BCT điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân năm 2019 là 1.864,44 đồng một kWh (chưa gồm thuế VAT), tăng 8,36% so với mức giá bán lẻ điện bình quân hiện hành kể từ ngày 20/03/2019 và một phần sản lượng tăng.

Mặt khác, doanh thu bán thiết bị điện lại ghi nhận mức giảm nhẹ so với năm trước và chỉ chiếm chưa đến 3% trong tổng doanh thu thuần. Nhìn chung cơ cấu doanh thu trong năm 2019, không có nhiều thay đổi so với các năm trước khi nguồn thu chủ đạo vẫn đến từ mặt hàng điện thành phẩm và định hướng sẽ được duy trì ổn định trong tương lai.



Cơ cấu doanh thu thuần

- Doanh thu bán điện thành phẩm
- Doanh thu bán thiết bị điện



Cơ cấu giá vốn hàng bán

Đơn vị: Triệu đồng

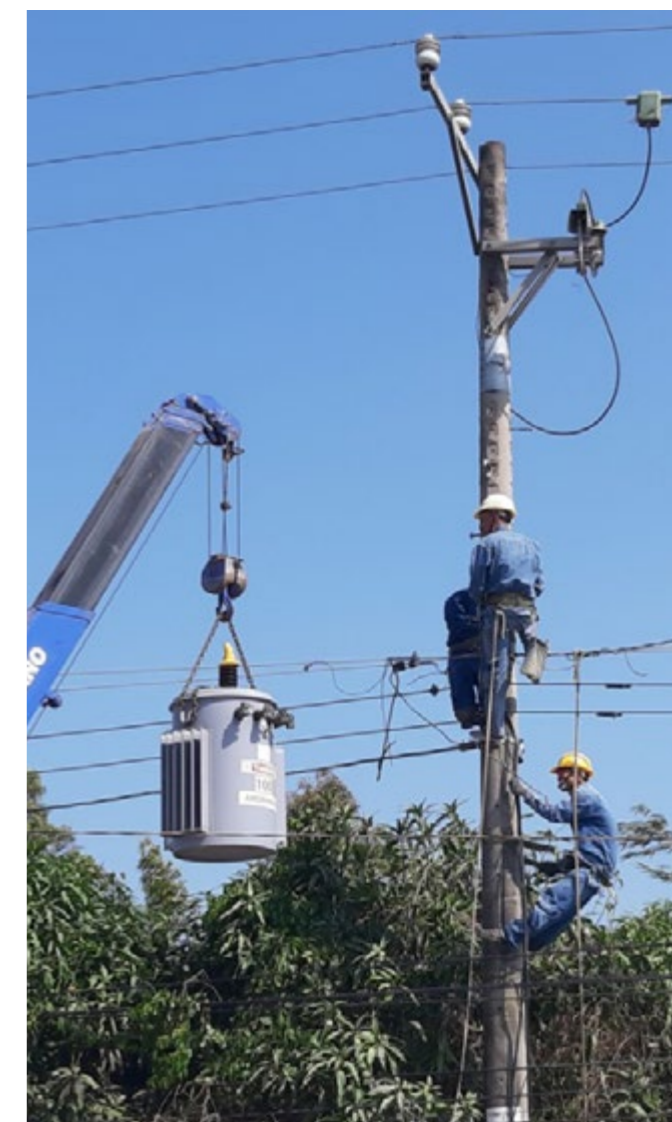
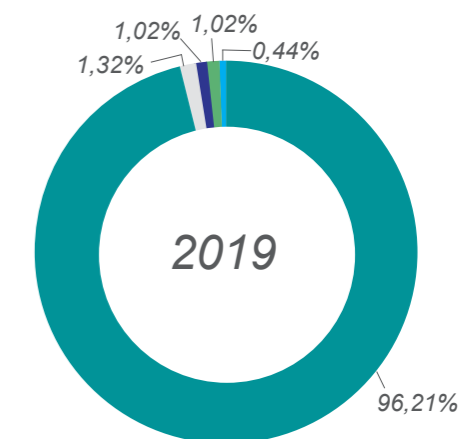
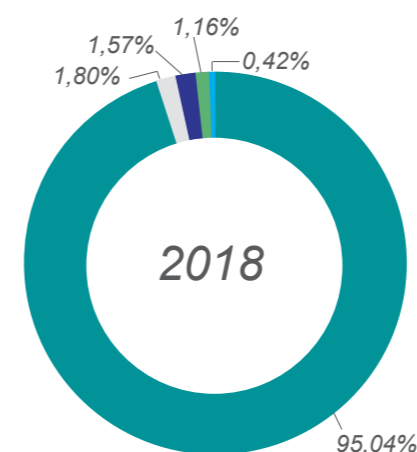
Khoản mục	Năm 2018		Năm 2019		% Năm 2019/2018
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
Giá vốn điện thương phẩm	355.564	95,04%	403.674	96,21%	113,53%
Giá vốn của thiết bị điện	6.749	1,80%	5.519	1,32%	81,78%
Chi phí khấu hao	5.879	1,57%	4.295	1,02%	73,06%
Chi phí phân bổ	4.333	1,16%	4.270	1,02%	98,55%
Chi phí khác	1.575	0,42%	1.828	0,44%	116,06%
Giá vốn hàng bán	374.101	100,00%	419.586	100,00%	112,16%

Trong năm 2019, mặc dù doanh thu thuần tăng trưởng khá tốt tuy nhiên do giá vốn hàng bán năm 2019 tăng hơn 12% so với năm 2018, dẫn đến lợi nhuận trước thuế năm 2019 chỉ đạt 26.006 triệu đồng (tương ứng 91.89% kế hoạch Đại hội đặt ra là 28.301 triệu đồng). Nguyên nhân làm tăng giá vốn này do tỷ lệ tổn thất điện năng cao hơn dự kiến và các giải pháp chống tổn thất điện năng ở một số đơn vị thực hiện chưa hiệu quả; một phần bị ảnh hưởng bởi tiến độ cải tạo xây dựng các

công trình còn chậm do phụ thuộc lịch cắt điện của các đơn vị điện lực; mưa bão kéo dài phát sinh nhiều sự cố gây mất điện trên diện rộng; sản lượng điện tiêu thụ tại các khu vực nuôi thủy sản và trồng hoa màu trong năm 2019 giảm mạnh. Bên cạnh đó, việc điều chỉnh mức giá bán điện bình quân tăng thêm 8,36% từ 20/03/2019 của Bộ công thương cũng là yếu tố dẫn đến giá vốn hàng bán tăng, đặc biệt là giá vốn điện thương phẩm.

Cơ cấu giá vốn hàng bán

- Giá vốn điện thương phẩm
- Chi phí khấu hao
- Giá vốn của thiết bị điện
- Chi phí phân bổ
- Chi phí khác





TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Thành viên ban điều hành

Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ (31/12/2019)	Tỷ lệ sở hữu/ Vốn điều lệ
Ông Lý Ngọc Tuấn	Tổng Giám đốc	3.800	0,07%
Bà Trương Thị Thùy Linh	Phó Tổng Giám đốc	32.900	0,62%
Bà Lê Thị Ngọc Hằng	Kế toán trưởng	4.300	0,08%



Ông Lý Ngọc Tuấn

Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện – Điện tử (Điện năng)
Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 31/12/2019: 3.800 cổ phiếu
Tỷ lệ sở hữu: 0,07%



Bà Trương Thị Thùy Linh

Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh
Chức vụ hiện nay tại Công ty: Phó Tổng giám đốc
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 31/12/2019: 32.900 cổ phiếu
Tỷ lệ sở hữu: 0,62% Vốn điều lệ



Bà Lê Thị Ngọc Hằng

Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
Chức vụ hiện nay tại Công ty: Kế toán trưởng
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 31/12/2019: 4.300 cổ phiếu
Tỷ lệ sở hữu: 0,08%

Những thay đổi trong ban điều hành: không có

Số lượng cán bộ công nhân viên

Tính đến 31/12/2019, tổng số lao động của Công ty là 182 người với cơ cấu cụ thể như sau:

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ lao động	182	100,00%
1	Trình độ đại học, trên đại học	57	31,32%
2	Trình độ cao đẳng	28	15,38%
4	Trình độ trung cấp	46	25,27%
5	Công nhân kỹ thuật	50	27,47%
6	Lao động phổ thông	1	0,55%
II	Theo loại hợp đồng lao động	182	100,00%
1	Hợp đồng không thời hạn	142	78,02%
2	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	2	1,10%
3	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	38	20,88%
III	Theo giới tính	182	100,00%
1	Nam	160	87,91%
2	Nữ	22	12,09%



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (tiếp theo)

Thu nhập bình quân

Con người là yếu tố cốt lõi trong mọi hoạt động của các loại hình doanh nghiệp, là chìa khóa quyết định sự thành công của doanh nghiệp. Do vậy, trong các năm qua, Công ty luôn quan tâm đến điều kiện làm việc, đời sống vật chất, tinh thần của người lao động. Mức lương bình quân của CBCNV năm sau đều cao hơn năm trước, cụ thể:

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
Tổng số lượng người lao động (người)	196	190	182
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	12.160.000	12.348.877	12.813.620

Các chính sách đối với người lao động



Chính sách khen thưởng

Công ty xây dựng chính sách lương thưởng phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc chuyên môn của từng người. Xây dựng quỹ tiền lương theo đúng quy định của Nhà nước (theo năng suất lao động).

Nhằm khuyến khích, động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng năng suất lao động và hiệu quả đóng góp, Công ty có chính sách thưởng định kỳ và khen thưởng đột xuất cho cá nhân, tập thể có những đóng góp thiết thực vào kết quả hoạt động chung.

Chính sách tuyển dụng nhân sự

Chất lượng nguồn lao động luôn đóng vai trò cực kỳ quan trọng trong việc duy trì ổn định hoạt động sản xuất cũng như nâng cao chất lượng sản phẩm, do đó khâu tuyển dụng nhân sự luôn được Công ty chú trọng. Căn cứ Quy định về tuyển dụng và sử dụng lao động, hằng năm Công ty đều xây dựng kế hoạch đổi mới công tác tuyển dụng lao động để trình Hội đồng quản trị phê duyệt.

Chính sách phúc lợi

Công ty trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo đúng quy định của pháp luật. Công ty luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi để Công đoàn và Đoàn thanh niên Công ty hoạt động hiệu quả. Hằng năm, cán bộ công nhân viên Công ty đều được hưởng chế độ vào các dịp lễ, tết.

Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Các khoản đầu tư mới : không có

Các công ty con, công ty liên kết: không có





TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2018	Thực hiện 2019	% Thực hiện 2019/ Thực hiện 2018
Doanh thu thuần	438.406	492.802	112,41%
Lợi nhuận từ HĐKD	21.985	27.490	125,04%
Lợi nhuận khác	23	(1.483)	-
Lợi nhuận trước thuế	22.008	26.006	118,17%
Lợi nhuận sau thuế	17.373	20.447	117,69%
Lợi nhuận sau thuế	326.059	415.145	27,32%

Nhìn chung, năm 2019 Công ty cổ phần Phát triển Điện nông thôn Trà Vinh ghi nhận một năm sản xuất – kinh doanh khả quan, có nhiều điểm sáng tích cực. Các chỉ số tài chính đều ghi nhận mức tăng trưởng cao hơn năm 2018, với mức tăng hàng chục phần trăm ở hầu hết các chỉ số.

Morris Charts

Line Chart



Area Chart



Bar Chart



Donut Chart



Sparkline Charts

Line Chart



Bar Chart



Pie Chart



Easy Pie Charts



Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	7,43	6,99
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	5,99	6,14
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	7,51%	8,76%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	8,12%	9,60%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	44,71	44,60
Hiệu suất sử dụng tài sản	Vòng	4,36	4,75
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	3,96%	4,15%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	18,90%	21,45%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	17,28%	19,70%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	5,01%	5,58%

Chỉ tiêu khả năng thanh toán

Chỉ tiêu khả năng thanh toán đánh giá năng lực tài chính và khả năng thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp. Hệ số thanh toán ngắn hạn cuối năm 2019 giảm nhẹ so với cùng kỳ năm trước từ 7,43 lần xuống 6,99 lần. Tuy nhiên các chỉ số này vẫn đảm bảo an toàn khi tài sản ngắn hạn vẫn lớn hơn nhiều nợ ngắn hạn và DTV không phát sinh bất kỳ khoản vay tài chính ngắn hạn nào.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Vòng quay tổng tài sản và vòng quay hàng tồn kho của Công ty không có biến động đáng kể do không có nhiều thay đổi trong hoạt động của DTV. Các chỉ số vòng quay hàng tồn kho 44,60 vòng và vòng quay tổng tài sản là 4,75 vòng phản ánh đặc thù chung ngành phân phối điện thương mại và cho thấy hoạt động của DTV trong năm vẫn đạt được hiệu quả cao.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Chỉ tiêu cơ cấu vốn phản ánh mối quan hệ của chỉ số nợ đến tình hình tài chính của doanh nghiệp. Trong năm 2019, Công ty tiếp tục chỉ duy trì nợ ngắn hạn trong cơ cấu nợ phải trả. Do đó, trong năm khi tăng các khoản phải trả ngắn hạn làm cho các chỉ tiêu về cơ cấu vốn có xu hướng tăng nhẹ lên. Cụ thể, hệ số nợ/ tổng tài sản tăng lên 8,76% từ mức 7,51% cuối năm 2018 và hệ số nợ/vốn chủ sở hữu tăng từ 8,12% lên 9,60%. Một điểm tích cực là trong cơ cấu nợ của Công ty đã không xuất hiện nợ vay trong 2 năm qua, điều này cho thấy DTV luôn có sẵn nguồn tiền cho các hoạt động của Công ty.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Năm 2019, DTV ghi nhận lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh dù chưa đạt kế hoạch đề ra nhưng vẫn tiếp tục tăng trưởng khả quan. Do đó các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của DTV đều có sự tăng trưởng so với cùng kỳ năm 2018. Cụ thể ROE và ROA đều tăng trưởng gần 3% trong khi đó biên lợi nhuận hoạt động kinh doanh và biên lợi nhuận sau thuế cũng có mức tăng nhẹ.



Cổ phần

Số lượng cổ phần: 5.280.000 cổ phần.

Số cổ phiếu phổ thông: 5.280.000 cổ phần.

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng.

Số lượng cổ phiếu quỹ: 16.000 cổ phần

Số cổ phiếu ưu đãi: không có.

Số cổ phiếu đang lưu hành: 5.264.000 cổ phần.

Cơ cấu cổ đông

Tính đến 31/12/2019, danh sách các cổ đông của Công ty có cơ cấu cụ thể như sau:

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ đông trong nước	111	5.245.000	52.450.000.000	99,34%
1	Cổ đông nhà nước	-	-	-	-
2	Cổ đông tổ chức	4	4.942.800	49.428.000.000	93,61%
3	Cổ đông cá nhân	107	302.200	3.022.000.000	5,72%
II	Cổ đông nước ngoài	4	19.000	190.000.000	0,36%
1	Cá nhân	1	1.500	15.000.000	0,03%
2	Tổ chức	3	17.500	175.000.000	0,33%
III	Cổ phiếu quỹ	1	16.000	160.000.000	0,30%
Tổng cộng		116	5.280.000	5.280.000.000	100,00%

Danh sách cổ đông lớn

Tên tổ chức/ cá nhân	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VĐL
Công ty CP Cơ Điện Lạnh	3.489.272	66,08%
Công ty CP Tập đoàn Đầu tư IPA	1.075.258	20,36%
Công ty CP Galax	375.270	7,11%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm: Không có

Các chứng khoán khác: Không có





TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG

Tiêu thụ năng lượng

Công ty cổ phần Phát triển Điện Nông thôn Trà Vinh hoạt động tiêu thụ năng lượng chủ yếu để phục vụ hoạt động của trụ sở và các đơn vị. Bên cạnh đó, Công ty cũng dùng các nguyên liệu hóa thạch như xăng, dầu,... để vận hành máy móc, thiết bị trong công việc. Tiết kiệm năng lượng luôn là vấn đề được quan tâm tại không chỉ DTV mà tất cả các doanh nghiệp cả nước. Sử dụng năng

lượng hợp lý không những tiết kiệm được chi phí sản xuất mà còn góp phần bảo vệ môi trường. Công ty luôn thiết lập chặt chẽ quy trình hoạt động, cử cán bộ vận hành theo dõi không để lãng phí nguồn năng lượng. Bên cạnh đó, Công ty cũng nỗ lực cắt giảm tiêu thụ năng lượng bằng cách triển khai các biện pháp kỹ thuật khác nhau.

Tiêu thụ nước

Do đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là đơn vị tư vấn, kinh doanh và phân phối điện năng nên các hoạt động sử dụng nguồn nước chủ yếu phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt của trụ sở làm việc và các đơn vị liên quan. Công ty nỗ lực nâng cao ý thức của tập thể CB – NV trong việc tiết kiệm nước trong sinh hoạt và hoạt động thường nhật.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Trong năm 2019, Công ty đã thực hiện các nội dung nhằm thực hiện tốt các quy định về công tác bảo vệ môi trường, cụ thể:

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Môi trường Thế giới và các sự kiện liên quan;
- Tổ chức thu gom chất thải thiết bị điện nguy hại tại địa bàn tỉnh;
- Công ty luôn tìm hiểu và tuân thủ nghiêm túc luật pháp và các quy định về môi trường, do đó trong năm Công ty không bị bất kỳ khoản phạt nào liên quan đến pháp luật về bảo vệ môi trường.



Chính sách liên quan đến người lao động

Con người là vốn quý giá nhất của mỗi doanh nghiệp – hơn lúc nào hết, câu nói này càng có giá trị và ý nghĩa khi nền kinh tế Việt Nam đang ngày càng hội nhập toàn cầu một cách mạnh mẽ, tính cạnh tranh của nền kinh tế thị trường ngày càng tăng cao, thì yếu tố con người ngày càng là nền tảng và trọng yếu nhất trong mỗi tổ chức, đặc biệt là mỗi doanh nghiệp. Điều đó, đòi hỏi ban lãnh đạo Công ty phải có cách tiếp cận mới về việc tuyển dụng và sử dụng lao động mà cốt lõi là tuyển dụng nhân tài hàng năm.

Chính sách tuyển dụng nhân sự

Chất lượng nguồn lao động luôn đóng vai trò cực kỳ quan trọng trong việc duy trì ổn định hoạt động sản xuất cũng như nâng cao chất lượng sản phẩm, do đó khâu tuyển dụng nhân sự luôn được Công ty đầu tư, chú trọng. DTV luôn ưu tiên các ứng viên có năng lực, tâm huyết và trình độ tay nghề trong lĩnh vực điện.

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Với mục tiêu tạo sự thoải mái và công bằng cho người lao động khi gắn bó với Công ty, DTV luôn quan tâm đến việc xây dựng quy chế trả lương hợp lý cho CB-NV. Năm 2019, Công ty đã áp dụng hệ thống thang, bảng lương và chế độ phụ cấp lương phù hợp với quy định của nhà nước. Công ty còn quan tâm động viên người lao động bằng nhiều hoạt động thiết thực khác như chi tiền làm thêm giờ, tặng quà cho CB – NV nhân dịp Lễ, Tết. Ngoài ra Công ty cũng trích từ nguồn quỹ phúc lợi để tổ chức những buổi tham quan du lịch cho CBNV.

Chính sách khác

Hàng năm, Công ty đều tổ chức cho CB-NV kiểm tra sức khỏe định kỳ ít nhất 01 lần/năm. Công ty còn quan tâm hỗ trợ những gia đình CB-NV có hoàn cảnh khó khăn, vận động hỗ trợ các gia đình lao động nghèo; tổ chức mua bảo hiểm tai nạn cho tất cả nhân viên.



Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

DTV tham gia nhiều hoạt động xã hội và từ thiện tại địa phương, các vùng lân cận như tổ chức thăm hỏi tặng quà cho gia đình thương binh liệt sĩ, mẹ Việt Nam anh hùng, tổ chức tặng quà cho những học sinh nghèo vượt khó, ủng hộ đồng bào bị lũ lụt, thiên tai. Cụ thể trong năm 2019 Công ty đã:

- Ủng hộ quỹ học sinh nghèo hiếu học xã Kim Sơn huyện Trà Cú số tiền: 80.000.000 đồng.
- Ủng hộ quỹ học sinh nghèo hiếu học UBND Phường 2, TX Duyên Hải số tiền: 20.000.000 đồng.
- Ủng hộ học sinh nghèo hiếu học thông qua Ủy Ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Trà Vinh số tiền: 20.000.000 đồng.
- Ủng hộ UBND xã Lưu Nghiệp Anh huyện Trà Cú 04 căn nhà Đại đoàn kết với số tiền: 120.000.000 đồng.

Trong thời gian tới, Công ty tiếp tục triển khai những hoạt động này, đồng thời nhân rộng những mô hình thiện nguyện khác một cách hiệu quả nhằm nâng cao ý thức cho CB-NV về trách nhiệm với cộng đồng cũng như xây dựng hình ảnh thân thiện cho Công ty.



BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán



	M	T	W	T	F	S	S
							1
2	3	4	5	6	7	8	
9	10	11	12	13	14	15	
16	17	18	19	20	21	22	
23	24	25	26	27	28	29	
30	31						

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Đánh giá chung

T thuận lợi

Năm 2019, tình hình kinh tế vĩ mô thuận lợi, môi trường kinh doanh được cải thiện, hoạt động sản xuất – tiêu dùng được thúc đẩy tạo điều kiện cho các doanh nghiệp gia tăng đầu tư, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh.

DTV nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, UBND, các Sở, Ban ngành, các cấp chính quyền địa phương hỗ trợ Công ty trong việc điều hành quản lý và đầu tư phát triển mở rộng mạng lưới điện.

Sự chỉ đạo, điều hành sáng suốt của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc tâm huyết và quyết tâm phấn đấu hoàn thành công việc của toàn thể CB – NV trong Công ty.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị được đầu tư khang trang nhằm đáp ứng các nhu cầu vận hành lưới điện hiệu quả. Bộ máy quản lý được chia đều khắp 7 huyện, giúp cho hoạt động xử lý các sự cố điện diễn ra nhanh chóng, thuận tiện.

K khó khăn

Tình trạng biến đổi khí hậu diễn biến ngày càng nghiêm trọng, đặc biệt là hiện tượng xâm nhập mặn ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản, từ đó ảnh hưởng đến nhu cầu sử dụng điện của các hộ, cơ sở kinh doanh ở địa phương. Mặt khác tình hình mưa bão kéo dài ảnh hưởng đến hoạt động truyền tải điện, gây tổn kém cho hoạt động sửa chữa, khắc phục tình hình.

Địa bàn kinh doanh của Công ty trải dài qua tất cả các huyện của tỉnh Trà Vinh, trong đó có các vùng sâu, vùng xa, giao thông đi lại khó khăn, công tác bảo dưỡng, lắp đặt và quản lý lưới điện gặp nhiều thách thức.

Trước bối cảnh những khó khăn, thuận lợi đan xen đó, các chỉ tiêu thực hiện kế hoạch 2019 và kết quả SXKD trong năm 2019 như sau:

Chỉ tiêu	Thực hiện 2018	2019		% thực hiện 2019/2018	% Thực hiện 2019 / kế hoạch
		Kế hoạch	Thực hiện		
Doanh thu thuần	438.406	479.452	492.802	102,78%	112,41%
Lợi nhuận từ HĐKD	21.985	-	27.490	-	125,04%
Lợi nhuận khác	23	-	(1.483)	-	-
Lợi nhuận trước thuế	22.008	28.301	26.006	91,89%	118,17%
Lợi nhuận sau thuế	17.373	-	20.447	-	117,69%
Tỉ lệ cổ tức	27%	20%	30%	150%	111%

Cụ thể, trước những điều kiện thuận lợi và khó khăn được Ban Tổng Giám đốc nhìn nhận, DTV đã đạt được các kết quả kinh doanh đáng tự hào. Doanh thu thuần đạt trên 492 tỷ đồng, tăng trưởng 12,41% so với cùng kỳ năm ngoái và vượt kế hoạch ĐHCĐ đề ra. Thành công đó đến từ nỗ lực của tập thể người lao động và hiệu quả trong công tác quản lý, tận dụng nguồn lực tối đa.

Tuy nhiên bên cạnh các yếu tố khách quan do thời tiết, tỷ lệ tổn thất điện năng cao đã làm cho lợi nhuận trước thuế không đạt kết quả như mong đợi. Mặc dù vậy với mức tăng trưởng 18,17% so với năm 2018, đây cũng là một kết quả hết sức đáng khen ngợi cho tập thể DTV.



Tình hình tài chính

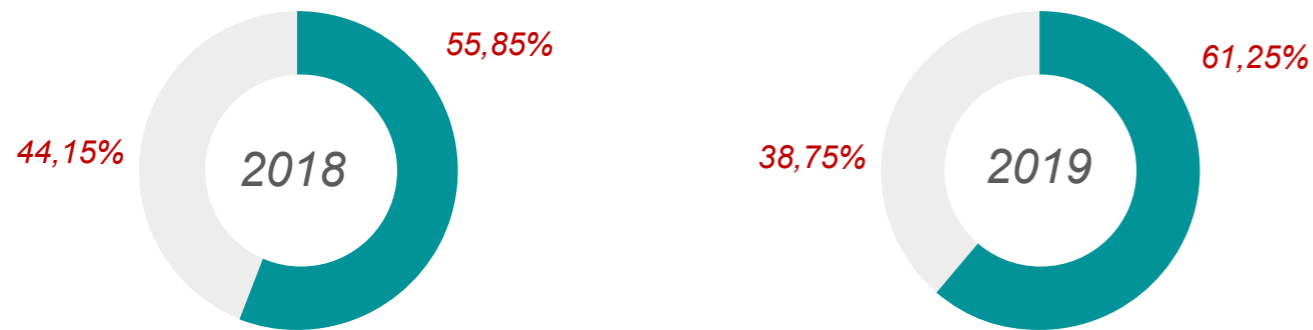
Tình hình tài sản

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018	Tỷ trọng	31/12/2019	Tỷ trọng	% tăng giảm
Tài sản ngắn hạn	55.827	55,85%	65.919	61,25%	18,08%
Tài sản dài hạn	44.134	44,15%	41.698	38,75%	(5,52%)
Tổng tài sản	99.961	100,00%	107.616	100%	7,66%

Kết thúc năm 2019, tổng tài sản của DTV tăng 7,66% so với cùng kỳ năm 2018 và đạt trên 107 tỷ đồng. Trong đó, tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn hơn so với tài sản dài hạn, cụ thể tài sản ngắn hạn chiếm 61,25% trong cơ cấu tài sản. Trong các năm gần đây, Công ty có xu hướng tăng dần tỷ trọng tài sản ngắn hạn, giảm dần tài sản dài hạn. Năm qua, Công ty có các hoạt động liên quan đến tài sản đáng chú ý như tăng tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng tại các ngân hàng thương mại. Đây là số tiền sẵn sàng cho các hoạt động đầu tư xây dựng lưới điện, hoạt động kinh doanh khác trong tương lai.

Tỷ trọng tài sản



Đvt: triệu đồng

Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại tại 31/12/2019	Giá trị còn lại/nguyên giá
Tài sản cố định hữu hình	93.117	30.483	32,74%
Nhà cửa, vật kiến trúc	4.426	1.780	40,22%
Máy móc thiết bị	106	0	0%
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	88.403	28.703	32,47%
Thiết bị văn phòng	182	0	0%
Tài sản vô hình	40	0	0%

Tình hình nợ phải trả

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018	Tỷ trọng	31/12/2019	Tỷ trọng	% 2019/2018
Nợ ngắn hạn	7.509	100,00%	9.431	100,00%	125,58%
Nợ dài hạn	0	0,00%	0	0,00%	-
Tổng nợ phải trả	7.509	100%	9.431	100%	125,58%

Công ty duy trì chính sách hướng đến cơ cấu tài chính lành mạnh khi tiếp tục không sử dụng nợ vay cho các hoạt động trong năm 2019. Do hiện tại Công ty đang có sẵn nguồn lực để tài trợ cho các hoạt động nên không gặp khó khăn về vốn. Trong năm 2019 tình hình nợ phải trả của Công ty có sự tăng nhẹ, trong đó nợ ngắn hạn chiếm 100% tỷ trọng và đạt gần 9,5 tỷ đồng bao gồm các khoản phải trả ngắn hạn cho người lao động, quỹ khen thưởng, phúc lợi,....



NHỮNG CẢI TIẾN VÀ KẾ HOẠCH TRONG TƯƠNG LAI

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Bộ máy điều hành và lãnh đạo được tiếp tục điều chỉnh tinh gọn, trực tiếp. Dưới Ban Tổng Giám đốc có các phòng, ban với chức năng và nhiệm vụ công việc cụ thể với sự giám sát và điều hành sát sao của các trưởng bộ phận.

Các chính sách nhân sự được Công ty quan tâm nhằm thúc đẩy hiệu quả hoạt động của Công ty. Bên cạnh đó các chính sách lương thưởng hợp lý theo năng lực làm việc và chế độ đãi ngộ tốt đã giúp DTV tuyển dụng được những nhân sự có năng lực, tâm huyết với công ty.

Các cải tiến về chính sách của Công ty luôn đảm bảo theo đúng quy định hiện hành của nhà nước.

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Căn cứ vào tình hình kinh tế vĩ mô, tình hình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Trà Vinh cũng như năng lực sản xuất, thi công, vận hành của Công ty, Ban lãnh đạo đề ra các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh trong năm 2020 như sau:

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020

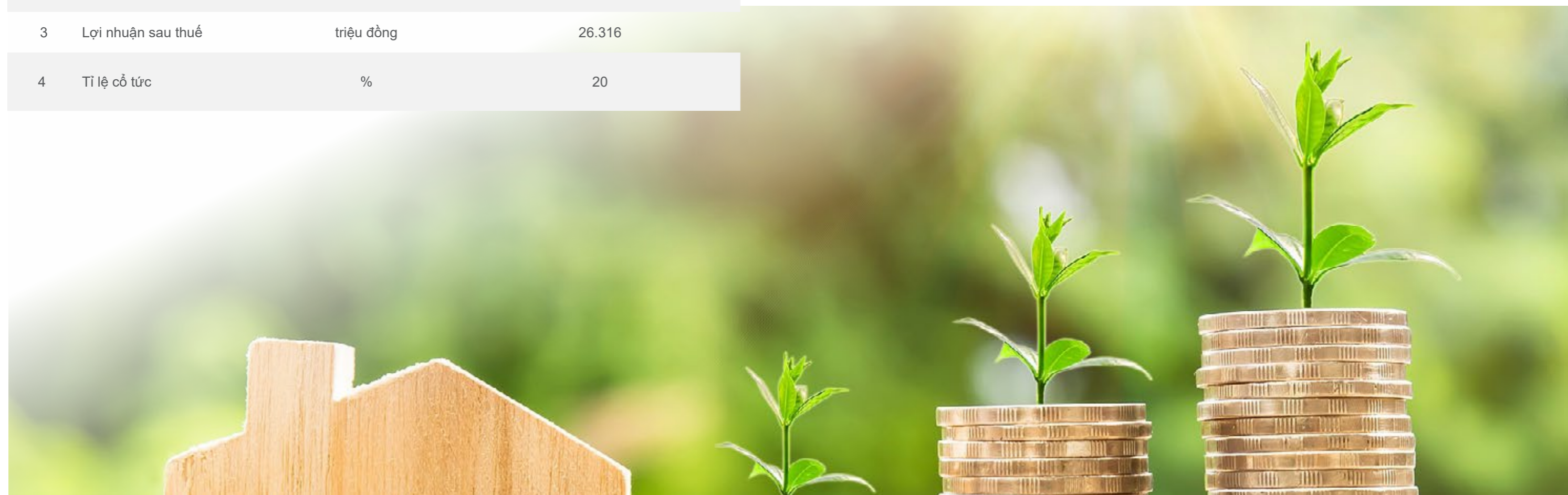
STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2020
1	Doanh thu thuần	triệu đồng	524.224
2	Lợi nhuận trước thuế	triệu đồng	32.895
3	Lợi nhuận sau thuế	triệu đồng	26.316
4	Tỷ lệ cổ tức	%	20

Để thực hiện đạt các chỉ tiêu năm 2020 DTV có những giải pháp sau

- Đầu tư cải tạo, xây dựng mới lưới điện hạ áp, trung áp và trạm biến áp kịp thời ngay từ đầu năm.
- Tập trung công tác chống tổn thất điện năng cụ thể như việc điều tiết phụ tải hợp lý tránh sụt áp và quá tải cục bộ.
- Tiếp tục các phương án giảm bán kính cấp điện, xử lý an toàn hạn chế thấp nhất các sự cố trên trục chính, nhánh rẽ trước và sau thiết bị đo đếm, xử lý tiếp xúc tốt trên đường dây.
- Tăng cường công tác kiểm tra giám sát các thông số vận hành trên lưới điện, có các biện pháp xử lý kịp thời và chú trọng công tác phát triển khách hàng mới.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Không có.





BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Toàn thể công ty nỗ lực biến nhận thức về bảo vệ môi trường thành ý thức tự giác và hành động cụ thể ở từng vị trí sản xuất.

Trong bảo vệ môi trường, phải lấy phòng ngừa ô nhiễm làm phương châm hành động, khắc phục và loại bỏ tư tưởng chạy theo lợi ích kinh tế trước mắt mà coi nhẹ việc duy trì, bảo vệ và tái tạo môi trường.

Phải huy động tối đa và đa dạng hóa các nguồn lực đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường, đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường, phát huy tính sáng tạo của người lao động trong việc hợp lý hóa sản xuất nhằm cải thiện môi trường.

Vì những lý do trên, để góp phần vào bảo vệ môi trường bền vững, thiết thực hưởng ứng ngày môi trường thế giới, Ban lãnh đạo DTV đã tuyên truyền, phổ biến các nội dung về bảo vệ môi trường đối với toàn thể CBCNV trong Công ty như sau:

Tiết kiệm điện, nước ở cơ quan cũng như ở nhà, tiết kiệm mọi lúc, mọi nơi thông qua các hành động thiết thực như: sử dụng những bóng đèn tiết kiệm năng lượng, tắt điện vào giờ trái đất, tắt điện, quạt khi rời khỏi cơ quan, tránh để nước rò rỉ...

Đối với rác thải

- Hạn chế sử dụng túi nilon tiết kiệm giấy, đọc kỹ văn bản trước khi in, tận dụng giấy một mặt...
- Ở những nơi công cộng, không nên vứt rác bừa bãi ra ngoài đường, vứt đúng nơi quy định.
- Tránh vứt rác xuống dòng sông, lòng đường, hè phố.

Đối với cây xanh

- Trồng và chăm sóc cây xanh cơ quan và các đơn vị.
- Lên án, phê phán những trường hợp không biết giữ gìn và bảo vệ cây xanh nơi công cộng.

Lên kế hoạch tổ chức thi đua giữa các phòng ban thông qua các tiêu chí

- Thường xuyên làm vệ sinh môi trường, vệ sinh vị trí làm việc, loại bỏ những vật dụng không cần thiết.

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Được xem là nghề lao động nặng nhọc, ngành điện tiềm ẩn nguy cơ nguy hiểm. Do đó, hàng năm Công ty đều tổ chức cho CBCNV kiểm tra sức khỏe định kỳ, tổ chức thêm các đợt nghỉ dưỡng phục hồi sức khỏe cho người lao động. Bên cạnh đó, công ty chú ý đến việc cải thiện điều kiện làm việc. Nhằm đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, công nhân được cấp đầy đủ đồ bảo hộ lao động và các vật dụng cần thiết đảm bảo chất lượng.

Thời gian làm việc được đảm bảo tuân thủ theo đúng

pháp luật và các quy định của công ty. Người lao động được nghỉ vào các ngày Lễ, Tết, Quốc khánh, Quốc tế lao động và các ngày lễ khác theo quy định.

Công ty còn quan tâm hỗ trợ những gia đình CBCNV có hoàn cảnh khó khăn, mắc bệnh... Công ty và các đơn vị. Ban hành và áp dụng một số các chính sách có lợi cho người lao động như: Quy định thưởng về đảm bảo hiệu quả công tác quản lý, kinh doanh điện năng...

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động xã hội, từ thiện, thể hiện trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương luôn được Công ty quan tâm thực hiện các năm qua, cụ thể:

- Hằng năm tổ chức thăm hỏi, tặng quà cho các gia đình hộ nghèo, gia đình chính sách có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh.
- Ủng hộ các trung tâm, các cơ sở từ thiện, hội người cao tuổi, học sinh nghèo hiếu học,...
- Vận động CB – NV đóng góp quỹ tương trợ xã hội
- Thăm hỏi, hỗ trợ người lao động bị tai nạn lao động, ốm đau,....



BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2019, DTV đã hoàn thành tương đối tốt nhiệm vụ, kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông đề ra. Đảm bảo tốt công tác an toàn mạng lưới, không để xảy ra tình trạng rò rỉ điện gây ảnh hưởng đến những hộ dân lân cận. Đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ cho hoạt động lắp đặt đường điện, đào tạo nguồn nhân lực có trình độ, chuyên môn cao, chú trọng công tác khảo sát và tiếp thu ý kiến đóng góp của khách hàng nhằm nâng cao vị thế DTV trong ngành tại địa bàn tỉnh nhà, tạo ra nguồn doanh thu tăng trưởng bền vững trong những năm tiếp theo. Cán bộ quản lý Công ty có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với công việc được giao, có năng lực, đạo đức nghề nghiệp và đoàn kết nội bộ. Bên cạnh đó, Công ty cũng có chính sách chia sẻ một phần lợi nhuận vào các hoạt động vì môi trường và cộng đồng xã hội như: đóng góp xây dựng nhà tình nghĩa, nhà đại đoàn kết cho những gia đình chính sách, gia đình nghèo, công tác đền ơn đáp nghĩa,....

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong năm 2019, Ban Tổng Giám đốc đã có nhiều nỗ lực trong việc thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ trong điều hành sản xuất kinh doanh, chuẩn bị các nội dung báo cáo và trình Hội đồng quản trị xem xét. Ban Tổng Giám đốc đã tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty một cách cẩn trọng có hiệu quả, mang lại lợi ích thiết thực cho Công ty. Thông qua các cuộc họp với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, đề xuất những giải pháp và xin ý kiến của Hội đồng quản trị để giải quyết kịp thời những khó khăn vướng mắc của Công ty. Công tác chỉ đạo, điều hành hoạt động ngày càng được phát huy hiệu quả, nâng cao năng suất công việc, tiết kiệm chi phí hoạt động.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nhằm khắc phục những tồn tại và thực hiện tốt nhiệm vụ đặt ra, Công ty tập trung thực hiện các biện pháp:

- Tiếp tục thực hiện đề án phát triển khách hàng và giảm tổn thất điện năng.
- Kiện toàn bộ máy tổ chức Công ty nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.
- Phê duyệt kế hoạch đấu thầu, giám sát tổ chức đấu thầu mua sắm vật tư và các thiết bị thi công và thiết bị văn phòng phục vụ năm 2019 đúng theo quy định.
- Tăng cường công tác quản trị, giám sát chặt chẽ và chỉ đạo sâu sắc, kịp thời hoạt động kinh doanh của Ban điều hành và cán bộ quản lý để thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020.

- Tổ chức đầy đủ các phiên họp định kỳ của Hội đồng quản trị để thảo luận tình hình thực hiện kết quả sản xuất kinh doanh và đề ra kế hoạch theo từng thời điểm phù hợp với thực tế của địa phương và đơn vị.
- HĐQT sẽ tổ chức các phiên họp bất thường để xử lý những vấn đề phát sinh (nếu có) thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.





QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
1	Bà Lê Thị Khê	Chủ tịch HĐQT	-	-
2	Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên HĐQT	-	-
3	Ông Lý Ngọc Tuấn	Thành viên HĐQT	-	-
4	Ông Nguyễn Trọng Hiền	Thành viên HĐQT	-	-
5	Ông Nguyễn Tổng Sơn	Thành viên HĐQT	115.180	0,199%

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hiện tại, HĐQT chưa thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT.

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2019, Hội đồng quản trị đã tổ chức các lần họp trực tiếp. Cụ thể:

Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
Bà Lê Thị Khê	Chủ tịch HĐQT	4/4	100%
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên HĐQT	4/4	100%
Ông Lý Ngọc Tuấn	Thành viên HĐQT	4/4	100%
Ông Nguyễn Trọng Hiền	Thành viên HĐQT	4/4	100%
Ông Nguyễn Tổng Sơn	Thành viên HĐQT	4/4	100%

Các Nghị Quyết trong năm của Công ty

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	03/NQ – HĐQT	15/01/2019	Nghị quyết về việc Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 và tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2018.
2	05/NQ – HĐQT	02/4/2019	<ul style="list-style-type: none"> Về phê chuẩn chương trình đầu tư nâng cấp, cải tạo và phát triển mới lưới điện hạ áp, nhánh rẽ khách hàng năm 2019. Về phê chuẩn chương trình mua sắm vật tư thiết bị cho công tác lắp đặt nhánh rẽ khách hàng năm 2019.
3	06/NQ – HĐQT	16/4/2019	<ul style="list-style-type: none"> Về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu các gói thầu DTV19-01; DTV19-02; DTV19-04 và DTV19-07 thuộc chương trình đầu tư nâng cấp, cải tạo và phát triển lưới điện hạ áp, nhánh rẽ khách hàng năm 2019. Phê duyệt hồ sơ mời thầu các gói thầu DTV19-03 và DTV19-08 thuộc chương trình đầu tư nâng cấp, cải tạo và phát triển lưới điện hạ áp nhánh rẽ khách hàng và mua sắm vật tư thiết bị cho công tác lắp nhánh rẽ khách hàng năm 2019. Phê duyệt chi phí trả tiền chuyển nhượng đất cho người mua.
4	07/NQ – HĐQT	14/5/2019	Nghị quyết về việc phê duyệt kết quả xét thầu các gói thầu mua sắm vật tư thiết bị năm 2019 của DTV
5	13/NQ – HĐQT	19/6/2019	Nghị quyết về việc chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 của DTV
6	14/NQ – HĐQT	25/6/2019	Nghị quyết về việc phê chuẩn Tờ trình số 263 về đấu giá thanh lý phế liệu của DTV
7	15/NQ – HĐQT	24/07/2019	Nghị quyết về việc phê chuẩn Tờ trình số 306 về phê duyệt hạng mục phát sinh các đường dây hạ áp trên địa bàn ấp Giồng Bàn, xã Long Vĩnh, huyện Duyên Hải và Báo cáo số 307 về việc báo cáo kết quả thương thảo giá điện kể cơ các loại
8	16/NQ – HĐQT	22/08/2019	Nghị quyết phiên họp thứ II của Hội đồng Quản trị
9	17/NQ – HĐQT	28/08/2019	Nghị quyết lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc thay đổi tên Công ty Cổ phần phát triển Điện nông thôn Trà Vinh
10	18/NQ – HĐQT	04/09/2019	Nghị quyết về việc thu hồi Nghị quyết số 17 về việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc thay đổi tên Công ty
11	19/NQ – HĐQT	25/12/2019	Về việc trích thưởng lương tháng 13 năm 2019 và phê duyệt quỹ lương năm 2020

Các Quyết định trong năm của Công ty

STT	Số Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/QĐ - HĐQT	03/01/2019	Quyết định về việc điều động cán bộ quản lý "Nguyễn Văn Cầu"
2	02/QĐ - HĐQT	03/01/2019	Quyết định về việc điều động cán bộ quản lý "Thượng Trung Tâm"
3	07a/QĐ - HĐQT	14/5/2019	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 01 (DTV19-01) cung cấp điện kế cơ các loại.
4	08/QĐ - HĐQT	14/5/2019	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 02 (DTV19-02) cung cấp hộp phân phối, hộp điện kế các loại.
5	09/QĐ - HĐQT	14/5/2019	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 03 (DTV19-03) cung cấp thiết bị phụ kiện các loại.
6	10/QĐ - HĐQT	14/5/2019	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 04 (DTV19-04) cung cấp cáp điện hạ áp các loại.
7	11/QĐ - HĐQT	14/5/2019	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 07 (DTV19-07) cung cấp cáp điện hạ áp các loại (sau điện kế).
8	12/QĐ - HĐQT	14/5/2019	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 08 (DTV19-08) cung cấp thiết bị đóng cắt hạ áp và phụ kiện các loại (sau điện kế)



Trong năm HĐQT đã triển khai các hoạt động giám sát và hỗ trợ đối với Ban Tổng Giám đốc gồm:

- Theo dõi việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Biên bản và Nghị quyết của Hội đồng quản trị.
- Đánh giá và góp ý các hoạt động trong công tác điều hành về các mặt: đầu tư, tài chính, thị trường, bán hàng, nguồn nhân lực, sản xuất, chất lượng.
- Xây dựng chiến lược phát triển nhằm tối đa hóa nguồn lực doanh nghiệp; nâng cao khả năng quản trị; nâng cao chất lượng sản phẩm.
- Tư vấn cho ban lãnh đạo xây dựng các chính sách phát triển thị trường
- Lấy ý kiến cổ đông liên quan đến việc phát hành cổ phiếu, tăng vốn điều lệ; tham mưu cho ban lãnh đạo lựa chọn đơn vị tư vấn phù hợp và chịu trách nhiệm về những vấn đề pháp lý liên quan.
- Tư vấn, đề xuất HĐQT về chính sách thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao.



Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Bà Nguyễn Thị Huỳnh Phương	Trưởng BKS	-	-
2	Bà Lương Thu Hằng	Thành viên BKS	-	-

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban điều hành

Trong năm, BKS đã cùng các phòng ban theo dõi quy trình, ghi chép sổ sách. Qua kiểm tra, BKS nhận thấy:

- Sổ sách, phần mềm kế toán cập nhật đầy đủ, rõ ràng, ghi nhận đầy đủ các số liệu theo đúng qui định của Công ty và các chuẩn mực kế toán. Các chứng từ thanh toán đầy đủ tính hợp pháp, hợp lý.
- Công nợ, số dư tiền gửi, tiền vay, số liệu tài chính được theo dõi đầy đủ, chi tiết có đối chiếu và xác nhận. Ban kiểm soát nội bộ có gửi báo cáo & phối hợp cùng Ban kiểm soát để theo dõi.
- Các nội dung của Báo cáo tài chính năm 2019 được lập đúng biểu mẫu, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các qui định hiện hành. Số liệu phản ánh trên báo cáo tài chính năm 2019 đã được thể hiện đầy đủ, kịp thời, rõ ràng, chính xác, trung thực và hợp lý; đã được kiểm toán độc lập.

Hoạt động của BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

- HĐQT và ban điều hành luôn tuân thủ theo Điều lệ, Quy chế quản trị và Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên. Thực hiện đầy đủ việc công bố thông tin theo luật định. Phối hợp với BKS thực hiện việc kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành SXKD theo đúng Luật doanh nghiệp, điều lệ và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Kết quả giám sát cho thấy chưa phát hiện trường hợp sai phạm.
- BKS thống nhất với toàn bộ nội dung đánh giá kết quả hoạt động của HĐQT được xác định trong Báo cáo tổng kết của HĐQT về kết quả hoạt động SXKD năm 2019 và nhiệm vụ kế hoạch năm 2020.
- BĐH luôn bám sát việc chỉ đạo và điều hành các hoạt động SXKD, đầu tư xây dựng, tổ chức bộ máy, phát triển nguồn nhân lực,... đáp ứng theo yêu cầu thực hiện các chương trình mục tiêu và các định hướng chiến lược đã được HĐQT Công ty xác định.



Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

Trong năm 2019, BKS đã thực hiện việc giám sát, kiểm soát các hoạt động của DTV theo đúng Điều lệ của Công ty. BKS thực hiện đúng Quy chế hoạt động của Ban và đã phân công phân nhiệm các thành viên trong BKS tập trung vào những hoạt động giám sát và kiểm tra trên một số lĩnh vực của Công ty như sau:

- Thực hiện giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành Công ty và giám sát việc thực hiện nhiệm vụ kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua.
- Tham gia các cuộc họp thường kỳ của HĐQT để nắm bắt việc điều hành chỉ đạo cũng như việc triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ.
- Giám sát việc chấp hành Điều lệ Công ty, tình hình thực hiện các Nghị quyết Đại hội cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị và các quyết định, quy chế chỉ thị của Công ty.
- Thẩm định báo cáo tài chính hàng quý của Công ty, xem xét các ảnh hưởng trong công tác kế toán và thẩm tra tính trung thực của Báo cáo tài chính. Giám sát việc huy động, sử dụng và quản lý nguồn vốn của Công ty.
- Thực hiện kiểm tra thường kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty năm 2019. Việc kiểm tra được thực hiện phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.





CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

STT	Họ tên	Thù lao
Hội đồng quản trị		
1	Bà Lê Thị Khê	75.000.000
2	Ông Nguyễn Trọng Hiền	42.000.000
3	Ông Lê Tuấn Hải	42.000.000
4	Ông Nguyễn Tống Sơn	42.000.000
5	Ông Lý Ngọc Tuấn	42.000.000
Ban kiểm soát		
1	Bà Nguyễn Thị Huỳnh Phương	60.000.000
2	Bà Lương Thu Hằng	36.000.000

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ trong năm: Không có

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có



VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Quản trị Công ty CP Điện Nông thôn Trà Vinh xác định là yếu tố cốt lõi để đảm bảo tăng trưởng hiệu quả, phát triển bền vững trong dài hạn. Bên cạnh việc xây dựng một cơ cấu quản trị vững mạnh trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam kết hợp với việc vận dụng các thông lệ quốc tế về quản trị Công ty, DTV đã ban hành hệ thống các quy chế quản lý nội bộ nhằm tạo ra một cơ chế quản trị thống nhất và xuyên suốt để kiểm soát, giám sát hoạt động của doanh nghiệp một cách chuyên nghiệp, minh bạch và hiệu quả, góp phần đảm bảo lợi ích của cổ đông và sự hài hòa với lợi ích của các bên liên quan bao gồm khách hàng, người lao động và cộng đồng.

Năm 2019, DTV đã tiếp tục rà soát và nâng cao năng lực của hệ thống quản trị, hướng tới các mục tiêu chính là: hoàn thiện toàn bộ hệ thống quản trị hướng tới các thông lệ quản trị tốt nhất trên thị trường nhưng đảm bảo phát huy được bản sắc riêng và các giá trị cốt lõi của Công ty; tối ưu hóa các công cụ quản trị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng năng suất lao động, đồng thời phải gắn được lợi ích của từng cá nhân với hiệu quả hoạt động của Công ty.

Ngoài ra, Công ty luôn tăng cường kiến thức quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc thông qua việc cử các cán bộ đi đào tạo theo thông báo của UBCKNN, các cơ quan liên quan và các lớp học quản trị Công ty. Từ đó, nâng cao hiệu quả kinh doanh, nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn, giảm chi phí vốn cũng như tạo dựng lòng tin đối với cổ đông, nhà đầu tư.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến của Kiểm toán viên
Báo cáo tài chính



Công ty Cổ phần Phát triển Điện Nông thôn Trà Vinh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019



Công ty Cổ phần Phát triển Điện Nông thôn Trà Vinh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Công ty Cổ phần Phát triển Điện Nông thôn Trà Vinh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Điện Nông thôn Trà Vinh ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Lý Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc

Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2020



Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Fax: +84 28 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 61296701/21092833

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Phát triển Điện Nông thôn Trà Vinh**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phát triển Điện Nông thôn Trà Vinh ("Công ty") được lập ngày 28 tháng 2 năm 2020 và được trình bày từ trang 5 đến trang 26, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Văn Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1588-2018-004-1



Nguyễn Quốc Hoàng
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 2787-2016-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2020

Công ty Cổ phần Phát triển Điện Nông thôn Trà Vinh

B01-DN

BẢNG CÂN ĐÒI KẾ TOÁN
ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		65.918.642.337	55.827.024.586
110	I. Tiền	4	10.314.475.352	4.131.047.558
111	1. Tiền		10.314.475.352	4.131.047.558
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		4.107.318.611	100.392.537
121	1. Chứng khoán kinh doanh		62.484	62.484
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	4.107.256.127	100.330.053
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		43.486.609.293	40.665.683.243
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	43.129.344.658	40.069.711.467
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		15.350.000	-
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	341.914.635	595.971.776
140	IV. Hàng tồn kho	8	7.985.293.972	10.831.581.112
141	1. Hàng tồn kho		7.985.293.972	10.831.581.112
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		24.945.109	98.320.136
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	24.945.109	98.320.136
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		41.697.828.582	44.133.954.134
210	I. Phải thu dài hạn		218.251.844	745.066.587
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	6	218.251.844	745.066.587
220	II. Tài sản cố định		30.482.671.384	31.200.059.273
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	30.482.671.384	31.200.059.273
222	Nguyên giá		93.117.263.457	89.055.484.464
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(62.634.592.073)	(57.855.425.191)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	Nguyên giá		40.000.000	40.000.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(40.000.000)	(40.000.000)
260	III. Tài sản dài hạn khác		10.996.905.354	12.188.828.274
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	10.996.905.354	12.188.828.274
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		107.616.470.919	99.960.978.720

BẢNG CÂN ĐÒI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		9.430.551.100	7.509.475.988
310	I. Nợ ngắn hạn		9.430.551.100	7.509.475.988
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		57.272.727	60.000.000
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	10.000.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	1.576.512.360	723.989.693
314	4. Phải trả người lao động		6.184.346.450	5.484.350.477
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	12	800.981.357	766.255.212
322	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		811.438.206	464.880.606
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		98.185.919.819	92.451.502.732
410	I. Vốn chủ sở hữu	13	98.185.919.819	92.451.502.732
411	1. Vốn cổ phần		52.800.000.000	52.800.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		52.800.000.000	52.800.000.000
415	2. Cổ phiếu quỹ		(160.000.000)	(160.000.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		18.879.322.392	18.879.322.392
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		26.666.597.427	20.932.180.340
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		6.219.380.340	3.558.912.513
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		20.447.217.087	17.373.267.827
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		107.616.470.919	99.960.978.720


Vương Quý Khen
Người lập


Lê Thị Ngọc Hằng
Kế toán trưởng




Lý Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 2 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng	14.1	492.802.444.491	438.406.410.003
11	2. Giá vốn hàng bán	15	(419.585.577.828)	(374.100.726.182)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng		73.216.866.663	64.305.683.821
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	14.2	274.442.345	713.485.066
22	5. Chi phí tài chính		-	(5.753.425)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	(5.753.425)
25	6. Chi phí bán hàng	16	(36.981.273.020)	(34.109.899.134)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	17	(9.020.513.279)	(8.918.148.012)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		27.489.522.709	21.985.368.316
31	9. Thu nhập khác		40.014.001	32.363.639
32	10. Chi phí khác		(1.523.230.000)	(9.510.937)
40	11. (Lỗ) lợi nhuận khác		(1.483.215.999)	22.852.702
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		26.006.306.710	22.008.221.018
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	19	(5.559.089.623)	(4.679.095.358)
52	14. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại		-	44.142.167
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		20.447.217.087	17.373.267.827
70	16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.5	3.884	3.205
71	17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	13.5	3.884	3.205


Vương Quý Khen
Người lập


Lê Thị Ngọc Hằng
Kế toán trưởng




Lý Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 2 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2019


VND


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		26.006.306.710	22.008.221.018
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	10	4.779.166.882	6.293.719.269
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(274.442.345)	(379.002.221)
06	Chi phí lãi vay		-	5.753.425
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		30.511.031.247	27.928.691.491
09	Tăng các khoản phải thu		(3.065.265.357)	(4.509.732.493)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		414.990.249	(10.838.886.675)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		1.569.167.512	(2.124.560.346)
12	Giảm chi phí trả trước		1.265.297.947	357.571.402
14	Tiền lãi vay đã trả		-	(5.753.425)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	11	(4.748.125.192)	(4.995.523.586)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(153.442.400)	(558.378.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		25.793.654.006	5.253.428.368
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(1.630.482.102)	(154.807.858)
23	Tiền chi gửi ngân hàng có kỳ hạn		(4.107.256.127)	(100.330.053)
24	Tiền thu hồi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		100.330.053	13.159.288.586
27	Tiền thu lãi		239.981.964	649.734.526
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư		(5.397.426.212)	13.553.885.201
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		-	1.000.000.000
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		-	(1.000.000.000)
36	Cổ tức đã trả	13.3	(14.212.800.000)	(15.792.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(14.212.800.000)	(15.792.000.000)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		6.183.427.794	3.015.313.569
60	Tiền đầu năm		4.131.047.558	1.115.733.989
70	Tiền cuối năm	4	10.314.475.352	4.131.047.558


Vương Quý Khen
Người lập


Lê Thị Ngọc Hằng
Kế toán trưởng



Lý Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 2 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Phát triển Điện Nông thôn Trà Vinh ("Công ty") trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo theo Quyết định số 1154/QĐ-UBND do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Trà Vinh cấp ngày 11 tháng 7 năm 2005. Việc cổ phần hóa đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Trà Vinh đồng thuận bằng việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 2100110200 ngày 13 tháng 7 năm 2006 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Ngày 9 tháng 9 năm 2010, cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCOM") với mã chứng khoán DTV.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là bán lẻ điện nông thôn; vật tư chuyên ngành điện; thi công lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến cấp điện áp 35 KV; tư vấn, thiết kế, giám sát các công trình điện đến cấp điện áp 35 KV.

Công ty có trụ sở chính tại Khóm 1, Phường 9, Thành phố Trà Vinh. Tỉnh Trà Vinh. Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 182 (ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 190).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | | |
|-------------------------------------|---|--|
| Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	5 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	2 - 5 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn; và
- ▶ Chi phí lắp nhánh rẽ khách hàng;
- ▶ v.v.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013, hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của quyền sử dụng đất.

3.9 Các khoản đầu tư

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được và không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.12 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong tương hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

▶ **Quỹ đầu tư và phát triển**

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ **Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán điện thương phẩm

Doanh thu được ghi nhận dựa trên số lượng điện thực tế đã bán và truyền tải đến các hộ dân tại cuối mỗi tháng.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế TNDN hiện hành phải nộp và tài sản thuế TNDN hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm trong tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế TNDN hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế TNDN hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan

4. TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	32.073.116	70.188.406
Tiền gửi ngân hàng	10.282.402.236	4.060.859.152
TỔNG CỘNG	10.314.475.352	4.131.047.558

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện khoản tiền gửi ngân hàng ngắn hạn có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng.

Chi tiết khoản tiền gửi ngân hàng ngắn hạn như sau:

<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Ngày đáo hạn</i>	<i>Lãi suất %/năm</i>
	VND		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Chi nhánh Trà Vinh	4.000.000.000	Ngày 2 tháng 5 năm 2020	7,1%
Ngân hàng TMCP Kiên Long – Chi nhánh Trà Vinh	107.256.127	Ngày 12 tháng 10 năm 2020	7,6%
TỔNG CỘNG	4.107.256.127		

Công ty Cổ phần Phát triển Điện Nông thôn Trà Vinh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	43.129.344.658	40.069.711.467
Huyện Châu Thành	11.773.874.448	10.883.443.974
Huyện Càng Long	6.859.026.158	5.988.776.438
Huyện Duyên Hải	5.411.310.268	5.146.944.495
Huyện Tiểu Cần	5.151.123.504	4.783.596.075
Huyện Trà Cú	5.138.983.278	4.741.846.205
Huyện Cầu Ngang	5.094.323.593	4.881.796.000
Huyện Cầu Kè	3.680.703.409	3.568.284.780
Khác	20.000.000	75.023.500
Dài hạn	218.251.844	745.066.587
Huyện Châu Thành	50.728.129	162.856.646
Huyện Duyên Hải	36.594.043	114.526.405
Huyện Tiểu Cần	31.142.501	71.071.958
Huyện Cầu Kè	29.838.137	118.561.457
Huyện Càng Long	27.376.942	92.167.533
Huyện Trà Cú	22.303.677	100.185.498
Huyện Cầu Ngang	20.268.415	85.697.090
TỔNG CỘNG	<u>43.347.596.502</u>	<u>40.814.778.054</u>

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu thuế thu nhập cá nhân	171.240.827	225.572.366
Lãi tiền gửi	48.493.887	2.258.262
Tạm ứng cho nhân viên	28.000.000	57.608.699
Bảo hiểm xã hội trả thừa	-	128.290.648
Khác	94.179.921	182.241.801
TỔNG CỘNG	<u>341.914.635</u>	<u>595.971.776</u>

8. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	7.796.321.448	10.790.879.049
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	162.218.893	5.235.000
Công cụ, dụng cụ	26.753.631	35.467.063
TỔNG CỘNG	<u>7.985.293.972</u>	<u>10.831.581.112</u>

Công ty Cổ phần Phát triển Điện Nông thôn Trà Vinh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	24.945.109	98.320.136
Công cụ, dụng cụ	21.198.484	98.320.136
Khác	3.746.625	-
Dài hạn	10.996.905.354	12.188.828.274
Chi phí lắp nhánh rẽ khách hàng	5.596.186.118	5.489.060.271
Điện kế	1.756.826.360	2.461.139.413
Phí kiểm định công tơ, máy biến áp	1.696.559.297	1.769.171.663
Đường dây hạ thế	1.124.577.562	1.610.592.151
Tiền thuê đất trả trước	807.020.080	826.249.384
Khác	15.735.937	32.615.392
TỔNG CỘNG	<u>11.021.850.463</u>	<u>12.287.148.410</u>

Công ty Cổ phần Phát triển Điện Nông thôn Trà Vinh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					VND
Số đầu năm	4.426.043.807	106.280.135	84.341.350.992	181.809.530	89.055.484.464
Mua trong năm	-	-	4.061.778.993	-	4.061.778.993
Số cuối năm	4.426.043.807	106.280.135	88.403.129.985	181.809.530	93.117.263.457
Trong đó:					
Đã khấu hao hết:	1.017.769.305	106.280.135	45.063.694.936	181.809.530	46.369.553.906
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số đầu năm	(2.412.270.799)	(106.280.135)	(55.155.064.727)	(181.809.530)	(57.855.425.191)
Khấu hao trong năm	(233.393.004)	-	(4.545.773.878)	-	(4.779.166.882)
Số cuối năm	(2.645.663.803)	(106.280.135)	(59.700.838.605)	(181.809.530)	(62.634.592.073)
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	2.013.773.008	-	29.186.286.265	-	31.200.059.273
Số cuối năm	1.780.380.004	-	28.702.291.380	-	30.482.671.384

Công ty Cổ phần Phát triển Điện Nông thôn Trà Vinh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	625.933.241	7.596.097.729	(7.531.639.493)	690.391.477
Thuế thu nhập doanh nghiệp	72.406.452	5.559.089.623	(4.748.125.192)	883.370.883
Thuế thu nhập cá nhân	25.650.000	352.494.368	(375.394.368)	2.750.000
Khác	-	86.601.345	(86.601.345)	-
TỔNG CỘNG	723.989.693	13.594.283.065	(12.741.760.398)	1.576.512.360

12. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đường dây hạ áp khu tái định cư Hiệp Thành phải trả cho ngân sách Tỉnh Trà Vinh	572.494.823	572.494.823
Khác	228.486.534	193.760.389
TỔNG CỘNG	800.981.357	766.255.212

Công ty Cổ phần Phát triển Điện Nông thôn Trà Vinh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

13.1 Tính hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước					
Số đầu năm	52.800.000.000	(160.000.000)	18.879.322.392	19.850.912.513	91.370.234.905
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	17.373.267.827	17.373.267.827
Cổ tức công bố	-	-	-	(15.792.000.000)	(15.792.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Số cuối năm	52.800.000.000	(160.000.000)	18.879.322.392	20.932.180.340	92.451.502.732
Năm nay					
Số đầu năm	52.800.000.000	(160.000.000)	18.879.322.392	20.932.180.340	92.451.502.732
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	20.447.217.087	20.447.217.087
Cổ tức công bố (*)	-	-	-	(14.212.800.000)	(14.212.800.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Số cuối năm	52.800.000.000	(160.000.000)	18.879.322.392	26.666.597.427	98.185.919.819

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 04/NQ-DHĐCĐ ngày 22 tháng 3 năm 2019, cổ đông của Công ty đã thống nhất thông qua Tờ trình của Hội đồng Quản trị về kế hoạch chi trả cổ tức cho các cổ đông hiện hữu của Công ty tại mức 27% trên mệnh giá của cổ phiếu phổ thông. Công ty đã chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức 27% này, tương đương với 14.212.800.000 VND, vào ngày 30 tháng 5 năm 2019.

Công ty Cổ phần Phát triển Điện Nông thôn Trà Vinh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

13.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Cổ phiếu thường	Giá trị VND	Cổ phiếu thường	Giá trị VND
Vốn góp cổ đông	5.280.000	52.800.000.000	5.280.000	52.800.000.000
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	3.489.272	34.892.720.000	3.489.272	34.892.720.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư IPA	1.075.258	10.752.580.000	1.075.258	10.752.580.000
Công ty Cổ phần Galax	375.270	3.752.700.000	375.270	3.752.700.000
Cổ đông khác	340.200	3.402.000.000	340.200	3.402.000.000
Cổ phiếu quỹ	(16.000)	(160.000.000)	(16.000)	(160.000.000)
TỔNG CỘNG	5.264.000	52.640.000.000	5.264.000	52.640.000.000

13.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần đã góp		
Số đầu năm và số cuối năm	52.800.000.000	52.800.000.000
Cổ tức công bố	14.212.800.000	15.792.000.000
Cổ tức đã trả	14.212.800.000	15.792.000.000

13.4 Cổ phiếu

	Số lượng	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đăng ký phát hành	5.280.000	5.280.000
Cổ phiếu phổ thông	5.280.000	5.280.000
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	5.280.000	5.280.000
Cổ phiếu phổ thông	5.280.000	5.280.000
Cổ phiếu quỹ	(16.000)	(16.000)
Cổ phiếu phổ thông	(16.000)	(16.000)
Cổ phiếu đang lưu hành	5.264.000	5.264.000
Cổ phiếu phổ thông	5.264.000	5.264.000

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

13.5 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được xác định như sau:

	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	20.447.217.087	17.373.267.827
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(500.000.000)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	20.447.217.087	16.873.267.827
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân (cổ phiếu)	5.264.000	5.264.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	3.884	3.205
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	3.884	3.205

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2018 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính năm 2018 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 04/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 3 năm 2019.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2019 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2019 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm hiện tại.

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này.

14. DOANH THU

14.1 Doanh thu thuần về bán hàng

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán điện thương phẩm	480.991.162.098	426.485.282.108
Doanh thu bán thiết bị điện	11.811.282.393	11.921.127.895
TỔNG CỘNG	492.802.444.491	438.406.410.003

14.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi trả chậm	170.044.898	334.482.845
Lãi tiền gửi	104.397.447	379.002.221
TỔNG CỘNG	274.442.345	713.485.066

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của điện thương phẩm	403.673.714.197	355.564.098.083
Giá vốn của thiết bị điện	5.518.792.688	6.748.916.982
Chi phí khấu hao	4.295.026.582	5.879.486.939
Chi phí phân bổ	4.269.784.578	4.333.236.937
Khác	1.828.259.783	1.574.987.241
TỔNG CỘNG	419.585.577.828	374.100.726.182

16. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	33.733.036.645	30.559.456.387
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.233.193.507	1.153.964.349
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.141.079.930	1.206.301.383
Chi phí khấu hao	160.864.644	182.178.406
Khác	713.098.294	1.007.998.609
TỔNG CỘNG	36.981.273.020	34.109.899.134

17. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	6.536.784.155	6.652.761.084
Chi phí dịch vụ mua ngoài	526.101.990	555.683.792
Chi phí khấu hao	323.275.656	232.053.924
Thiết bị văn phòng	166.656.233	176.015.671
Khác	1.467.695.245	1.301.633.541
TỔNG CỘNG	9.020.513.279	8.918.148.012

18. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của điện thương phẩm	403.673.714.197	355.564.098.083
Chi phí nhân viên	40.269.820.800	37.212.217.471
Nguyên vật liệu	7.347.052.471	9.609.518.310
Chi phí khấu hao (Thuyết minh số 10)	4.779.166.882	6.293.719.269
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.667.181.920	1.761.985.175
Khác	7.850.427.857	6.687.235.020
TỔNG CỘNG	465.587.364.127	417.128.773.328

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

19.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.559.089.623	4.679.095.358
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	-	(44.142.167)
TỔNG CỘNG	5.559.089.623	4.634.953.191

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	26.006.306.710	22.008.221.018
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	5.201.261.343	4.401.644.204
Thù lao Thành viên Hội đồng Quản trị không tham gia điều hành trực tiếp	44.400.000	47.200.000
Chi phí không được trừ	313.428.280	186.108.987
Chi phí thuế TNDN	5.559.089.623	4.634.953.191

19.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

19.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	VND			
	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Phân bổ chi phí trả trước	-	-	-	44.142.167
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-	-	-
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại tính vào kết quả hoạt động kinh doanh	-	-	-	44.142.167

20. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	Công ty mẹ	Trả cổ tức	9.421.034.400	10.467.816.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư IPA	Cổ đông lớn	Trả cổ tức	2.903.196.600	3.225.774.000
Công ty Cổ phần Galax	Cổ đông lớn	Trả cổ tức	1.013.229.000	1.125.810.000

Giao dịch với các bên liên quan khác:

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát trong năm:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập và thù lao	2.341.708.375	2.558.564.237

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc ngày kế toán năm, khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	86.601.345	86.601.345
Từ 1 đến 5 năm	433.006.725	433.006.725
Trên 5 năm	3.564.981.734	3.651.583.079
TỔNG CỘNG	4.084.589.804	4.171.191.149

22. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính.



Vương Quý Khen
Người lập



Lê Thị Ngọc Hằng
Kế toán trưởng



Lý Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 2 năm 2020



Trà Vinh, ngày 26 tháng 3 năm 2020

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

